**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

Mẫu sản phẩm 5.1

(Kèm theo của Phụ lục 5)

**TRƯỜNG SƯ PHẠM**

**KHOA ĐỊA LÍ**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT**

***(Dành cho các học phần thông thường)***

**1. Thông tin tổng quát**

***1.1. Thông tin về giảng viên***

***Giảng viên 1: Nguyễn Thị Trang Thanh***

Học hàm, học vị: PGS.TS

Địa chỉ liên hệ: khoa Địa lí, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0989 456 628; thanhntt@vinhunu.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Địa lí kinh tế - xã hội

***Giảng viên 2: Hoàng Phan Hải Yến***

Học hàm, học vị: TS

Địa chỉ liên hệ: Khoa Địa lí, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0917 544 789; hoangphanhaiyen@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Địa lí kinh tế - xã hội

***1.2. Thông tin về học phần***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Tên học phần (tiếng Việt): ĐỊA LÍ CHÍNH TRỊ  (tiếng Anh): Political geography | | |
| - Mã số học phần: GEO20003 | | |
| - Thuộc CTĐT ngành: Sư phạm Địa lí | | |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Kiến thức cơ bản  Kiến thức cơ sở ngành  Kiến thức ngành | Học phần chuyên về kỹ năng chung  Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án  Kiến thức khác | |
| - Thuộc loại học phần: Bắt buộc | Tự chọn | |
| - Số tín chỉ:  + Số tiết lý thuyết: 20  + Số tiết thảo luận: 10  + Số tiết tự học: 90 | | |
| - Điều kiện đăng ký học: | |  |
| + Học phần tiên quyết: không | | Mã số HP: |
| + Học phần học trước: không | | Mã số HP: |
| - Yêu cầu của học phần: Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Cụ thể:  + Thời gian tối thiểu sinh viên phải có mặt trên lớp: 80% tổng thời lượng của học phần  + Sinh viên phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo, sản phẩm thảo luận qua LMS (Mục 5.1). + Tham gia đầy đủ các buổi thảo luận, làm việc nhóm. | | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: Khoa Địa lí  Điện thoại: Email: | | |

**2. Mô tả học phần**

Học phần *Địa lí Chính trị* là học phần học tự chọn trong khối kiến thức đại cương khối ngành của Chương trình đào tạo Sư phạm các ngành khoa học xã hội. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức khái quát về địa lí chính trị, hình thành và phát triển cho người học kĩ năng tự học, kĩ năng làm việc nhóm và tính kỉ luật, trách nhiệm trong quá trình học tập. Qua đó, người học nâng cao hơn kiến thức về khoa học xã hội, phát triển các kĩ năng để trở thành người giáo viên trong tương lai.

**3. Mục tiêu học phần**

Học phần *Địa lí Chính trị* trình bày khái quát quan niệm, đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của địa lí chính trị; đặc điểm địa lí ảnh hưởng đến tổ chức và mối quan hệ quốc tế của các quốc gia; luật biển quốc tế và các liên kết khu vực và quốc tế dưới góc độ địa lí. Người học thể hiện khả năng tự học, kỹ năng làm việc nhóm, rèn luyện tác phong sư phạm thông qua việc tìm hiểu những nội dung cơ bản của địa lí chính trị.

**4. Chuẩn đầu ra học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá**

***4.1. Ánh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Sư phạm Xã hội***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Ánh xạ với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)** | | | |
| PLO1.1 | PLO2.1 | PLO2.2 | PLO3.1 |
| 1.1.1 | 2.1.2 | 2.2.2 | 3.1.2 |
| CLO1.1 | ✓ |  |  |  |
| CLO1.2 | ✓ |  |  |  |
| CLO2.1 |  | ✓ |  |  |
| CLO2.2 |  |  | ✓ |  |
| CLO3.1 |  |  |  | ✓ |

1.1.1. Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp và thực tiễn cuộc sống.

2.1.2. Vận dụng kỹ năng tự học vào quá trình đào tạo, phát triển bản thân và phát triển chuyên môn đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.

2.2.2. Thể hiện phong cách nhà giáotrong các hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục học sinh.

3.1.2. Vận dụng kỹ năng làm việc nhóm để thực hiện hiệu quả các tương tác với thành viên nhóm, hoàn thành nhiệm vụ được giao và thúc đẩy môi trường làm việc mang tính xây dựng.

***4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **TĐNL CĐR**  **học phần** | **Mô tả CĐR học phần** | **Tỉ lệ điểm (%)** | **Phương pháp đánh giá** |
| CLO1.1 | K2 | Trình bày khái quát về địa lí chính trị; hệ thống chính trị quốc gia; luật biển quốc tế và mối quan hệ quốc tế. | 30 | Bài thi tự luận |
| CLO1.2 | K3 | Phân tích được đặc điểm địa lí ảnh hưởng đến tổ chức và mối quan hệ quốc tế của mỗi quốc gia; các yếu tố cấu thành sức mạnh của quốc gia. | 20 | Bài thi tự luận |
| CLO2.1 | S2 | Thể hiện kĩ năng tự học trong quá trình tìm hiểu nội dung của địa lí chính trị | 20 | Phiếu đánh giá |
| CLO2.2 | A2 | Thể hiện tác phong nhà giáo thông qua tính kỉ luật, trách nhiệm trong quá trình học tập trên lớp, làm việc nhóm và tự học | 10 | Bảng kiểm  Phiếu đánh giá |
| CLO3.1 | S2 | Tổ chức hoạt động nhóm để thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ mà học phần đề ra | 20 | Phiếu đánh giá |

**5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá**

***5.1. Đánh giá học tập***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài đánh giá** | **CĐR học phần** | **Nội dung đánh giá và lưu hồ sơ** | **Công cụ đánh giá** | **Tỷ lệ**  **(%)** | **CĐR Chương trình** |
| **A1. Đánh giá thường xuyên** | | | | **50%** |  |
| A1.1 | CLO2.2 | Tính kỉ luật, trách nhiệm | Phiếu đánh giá  (Rubrics) | 10% | PLO2.2.2 |
| A1.2 | CLO2.1 | Kĩ năng tự học | Phiếu đánh giá (Rubrics) | 20% | PLO2.1.2 |
| A1.3 | CLO3.1 | Kĩ năng làm việc nhóm | Phiếu đánh giá  (Rubrics) | 20% | PLO3.1.2 |
| **A2. Đánh giá cuối kỳ** | | | | **50%** |  |
| A2 | - CLO1.1  - CLO1.2 | Kiến thức cơ bản về địa lí Chính trị (Bài thi tự luận) | Phiếu đánh giá  (Rubrics) | 50% | PLO1.1.1 |
| **Công thức tính điểm tổng kết:** (A1.1+A1.2\*2+A1.3\*2+A2\*5)/10 | | | | | |

***5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá***

***5.2.1. Bộ tiêu chí đánh giá học tập thường xuyên***

**Bảng 1. Rubric đánh giá tính kỉ luật, trách nhiệm (GV đánh giá) (A1.1)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **5.0 – 4.0** | **3.0** | **2.0** | **1.0** |
| **Mức độ tham dự học theo TKB**  ***(5 điểm)*** | Tham gia 100% các buổi học, thảo luận. | Tham gia trên 80% các buổi học. | Tham gia 80% các buổi học. | Tham gia dưới 80% các buổi học. |
| **Mức độ tham gia các hoạt động học tập**  ***(5 điểm)*** | - Thể hiện tính kỉ luật, chủ động, tích cực trong giờ học, thảo luận.  - Hoàn thành đầy đủ bài tập, trả lời tốt các câu hỏi hoặc đưa ra được các câu hỏi/vấn đề trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, khá chủ động, khá tích cực trong các giờ học, hoạt động trải nghiệm.  - Hoàn thành 80% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Thể hiện tính kỉ luật, nhưng chưa chủ động, tích cực  trong các giờ học, hoạt động trải nghiệm.  - Hoàn thành 50% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. | - Không có tính kỉ luật, không chủ động, tích cực  trong các giờ học, hoạt động trải nghiệm.  - Hoàn thành dưới 50% các bài tập, không tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**Bảng 2. Rubric đánh giá kĩ năng tự học A1.2**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | |
|  | **4,0** | **3,5** | **2,0** | **1,0** |
| **Phần tự học trên lớp**  ***(4 điểm)*** | - Trả lời đầy đủ, chính xác, tốt các câu hỏi phần tự học hoặc phần GV giao trong các tuần học lí thuyết.  - Kĩ năng trình bày tốt, tự tin, thuyết phục. | - Trả lời tương đối đầy đủ, chính xác, các câu hỏi phần tự học hoặc phần GV giao trong các tuần học lí thuyết.  - Kĩ năng trình bày khá tốt, khá tự tin. | - Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi phần tự học hoặc phần GV giao trong các tuần học lí thuyết.  - Kĩ năng trình bày tương đối tốt, chưa tự tin, chưa thuyết phục. | - Trả lời chưa đầy đủ, chính xác, các câu hỏi phần tự học hoặc phần GV giao trong các tuần học lí thuyết.  - Kĩ năng trình bày không tốt, không tự tin, không thuyết phục |
|  | **6.0 – 5.0** | **4.5 – 3.5** | **3.0 - 2.0** | **1.5 - 0** |
| **Nội dung của vở tự học**  ***(6 điểm)*** | - Xác định được mục tiêu, kế hoạch tự học của môn học một cách rõ ràng, khoa học.  - Chuẩn bị đầy đủ, chi tiết nội dung của các phần lí thuyết; làm đầy đủ các phần bài tập, câu hỏi do GV đưa ra.  - Đưa ra được các câu hỏi và nghiên cứu; Tìm hiểu thêm những nội dung liên quan đến môn học. | - Xác định được mục tiêu, kế hoạch tự học khá cụ thể, khá rõ ràng;  - Chuẩn bị đầy đủ, nội dung của các phần lí thuyết; làm đầy đủ các phần bài tập, câu hỏi do GV đưa ra.  - Đưa ra được một số câu hỏi; Tìm hiểu thêm được một nội dung liên quan đến học phần. | - Mục tiêu, kế hoạch tự học có đề cập nhưng chưa thật sự cụ thể và rõ ràng;  - Chuẩn bị các nội dung nhưng chưa cụ thể, làm chưa đầy đủ các phần bài tập, câu hỏi do GV đưa ra.  - Đưa ra một câu hỏi hoặc tìm hiểu được một nội dung liên quan đến học phần. | - Mục tiêu, kế hoạch tự học có đề cập nhưng rất ít và không cụ thể, rõ ràng;  - Chưa chuẩn bị các nội dung của phần lí thuyết; chỉ làm được rất ít phần bài tập, câu hỏi do GV đưa ra.  - Không đưa ra được câu hỏi và không tìm hiểu được nội dung nào liên quan đến học phần . |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**Bảng 3. Rubric đánh giá hoạt động nhóm (Dành cho nhóm SV tự đánh giá)A1.3a**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các tiêu chí** | **Mức độ & Thang điểm** | | | |
| **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5 - 0** |
| **1. Nhận nhiệm vụ**  ***(2 điểm)*** | Xung phong nhận nhiệm vụ. | Vui vẻ nhận nhiệm vụ khi được giao. | Miễn cưỡng, không thoải mái khi nhận nhiệm vụ được giao. | Dường như từ chối nhận nhiệm vụ. |
| **2. Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm**  ***(2 điểm)*** | - Biết bày tỏ ý kiến, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm.  - Biết lắng nghe, tôn trọng, xem xét các ý kiến, quan điểm của mọi người trong nhóm. | - Biết tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm song đôi lúc chưa chủ động.  - Đôi lúc chưa biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm. | - Còn ít tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm.  - Ít chịu lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm. | - Dường như không tham gia hay bày tỏ ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm.  - Dường như không lắng nghe và tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm. |
| **3. Tôn trọng ý kiến tập thể**  ***(2 điểm)*** | Tôn trọng ý kiến của tập thể, nhưng phải biết bày tỏ quan điểm cá nhân và bảo vệ những lí do chính đáng. | Tôn trọng ý kiến của tập thể, nhưng chưa biết bày tỏ quan điểm cá nhân và bảo vệ những lí do chính đáng. | Đôi khi chưa tôn trọng ý kiến của tập thể, chưa biết bày tỏ quan điểm cá nhân và bảo vệ những lí do chính đáng. | Dường như không tôn trọng ý kiến của tập thể, mà chỉ bày tỏ quan điểm và bảo vệ những lí do không chính đáng. |
| **4. Kết quả làm việc**  ***(2 điểm)*** | Có sản phẩm tốt, theo mẫu và vượt mức thời gian. | Có sản phẩm tốt và đảm bảo thời gian. | Có sản phẩm tương đối tốt nhưng không đảm bảo thời gian. | Sản phẩm hầu như không đạt tiêu chuẩn. |
| **5. Trách nhiệm với kết quả làm việc chung**  ***(2 điểm)*** | Thể hiện trách nhiệm cao về sản phẩm chung. | Thể hiện trách nhiệm về sản phẩm chung. | Chưa sẵn sàng chịu trách nhiệm về sản phẩm chung. | Dường như không chịu trách nhiệm gì về sản phẩm chung. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_/10 (Bằng chữ: ………………………………………………………)** | | | | |

**Bảng 4. Rubric đánh giá hoạt động nhóm (Dành cho GV đánh giá) A1.3b**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ (theo thang điểm)** | | | | |
|  | **2.0** | **1.5** | **1.0** | **0.5** |
| **1. Kế hoạch nhóm**  ***(2 điểm)*** | - Kế hoạch rõ ràng, khoa học.  - Phân công nhiệm vụ cụ thể, công bằng và phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch rõ ràng, khoa học.  - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể, chưa công bằng và chưa thực sự phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch khá rõ ràng, khá khoa học.  - Phân công nhiệm vụ nhưng chưa cụ thể ràng, chưa phù hợp với các thành viên của nhóm. | - Kế hoạch chưa rõ ràng, chưa khoa học  - Phân công nhiệm vụ nhưng không cụ thể, không phù hợp với các thành viên của nhóm. |
|  | **3.0 – 2.5** | **2.0** | **1.5 – 1.0** | **0.5 - 0** |
| **2. Tổ chức thực hiện**  ***(3 điểm)*** | - Triển khai đúng kế hoạch đề ra.  - Thu thập được nhiều thông tin (minh chứng) và thông tin hữu ích.  - Toàn bộ thành viên đều tham gia tích cực. | - Triển khai đúng kế hoạch đề ra.  - Thu thập được khá nhiều thông tin (minh chứng) và thông tin khá hữu ích.  - Thành viên tham gia đầy đủ nhưng chưa thực sự tích cực. | - Triển khai tương đối đúng kế hoạch đề ra.  - Thu thập được một số thông tin (minh chứng) nhưng chưa đầy đủ và thông tin khá hữu ích  - Thành viên tham gia chưa đầy đủ và một số thành viên chưa tích cực. | - Triển khai chưa đúng kế hoạch đề ra.  - Thu thập được ít thông tin (minh chứng) và thông tin chưa hữu ích  - Nhiều thành viên không tham gia |
|  | **5.0 – 4.0** | **3.0 -2.5** | **2.0 – 1.0** | **1.0 - 0** |
| **3. Kết quả làm việc nhóm**  ***(5 điểm)*** | - Cấu trúc sản phẩm hợp lí và hình thức trình bày đẹp, sinh động.  - Sản phẩm đạt chất lượng tốt.  - Hoàn thành đúng thời hạn.  - Có bảng đánh giá chi tiết thành viên trong nhóm.  - Trình bày và trả lời tốt câu hỏi về báo cáo sản phẩm. | - Cấu trúc sản phẩm khá hợp lí và hình thức trình bày khá đẹp, khá sinh động.  - Sản phẩm đạt chất lượng khá.  - Hoàn thành đúng thời hạn.  - Có bảng đánh giá thành viên trong nhóm nhưng chưa chi tiết  - Trình bày và trả lời khá tốt câu hỏi về báo cáo sản phẩm. | - Cấu trúc sản phẩm khá hợp lí nhưng hình thức trình bày chưa đẹp, và chưa sinh động.  - Sản phẩm đạt yêu cầu.  - Hoàn thành tương đối đúng thời hạn.  - Có bảng đánh giá thành viên trong nhóm nhưng hơi sơ sài  - Trình bày và trả lời được câu hỏi ở mức độ chấp nhận về báo cáo sản phẩm. | - Cấu trúc sản phẩm chưa hợp lí, hình thức trình bày không đẹp, và không sinh động.  - Sản phẩm không đạt yêu cầu.  - Hoàn thành không đúng thời hạn.  - Không có bảng đánh giá thành viên trong nhó  - Trình bày nhưng dường như không trả lời được câu hỏi về báo cáo sản phẩm. |
| **TỔNG ĐIỂM: \_\_\_\_\_\_/10 *(bằng chữ: ………………………….……………………………….)*** | | | | | |

**Bảng 5. Cách tính điểm đánh giá hoạt động nhóm cho từng SV (A1.3)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Điểm cá nhân do nhóm chấm**  **(bảng 3)** | **Điểm nhóm do GV chấm**  **(bảng 4)** | **Tổng điểm** |
| 1 | Nguyễn Văn A | N | M | (N+M)/2 |
| 2 | Lê Thị B |  |  |  |
| 3 | Trần Văn C |  |  |  |

***5.2.2. Bộ tiêu chí đánh giá cuối kỳ***

**Bảng 6. Rubric câu hỏi thi tự luận phân theo mức độ (A2)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Tổng số câu hỏi** | **Mức độ biết** | **Mức độ hiểu** | **Mức độ vận dụng** |
| 1. | Quan niệm, đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của địa lí chính trị | 1 | 1 | - | - |
| 2 | Đặc điểm địa lí của quốc gia | 2 | - | 2 | - |
| 3 | Các yếu tố tạo nên sự gắn kết quốc gia, sức mạnh quốc gia | 2 | - | - | 2 |
| 4 | Hệ thống chính trị quốc gia | 3 | - | 2 | 1 |
| 5 | Biên giới biển và Luật Biển quốc tế | 1 | 1 | - | - |
| 6 | Các tổ chức quốc tế | 4 | 2 | 2 | - |
| 7 | Quan hệ chính trị quốc tế | 2 | 2 | - | - |
| **Tổng** | | **15** | **06** | **06** | **03** |
| **Tỉ lệ (%)** | | **100** | **40%** | **40%** | **20%** |

**6. Tài liệu học tập**

***6.1. Học liệu chính:***

[1] Arthur Getis, Judith Getis, Jerome Fellman. *Introduction to Geography*. *Chapter 8. Political Geography.* Fifth edition. Wm.C.Brown Publishers.

[2] Nguyễn Thị Trang Thanh, 2021. *Bài giảng Địa lí Chính trị (lưu hành nội bộ).* Trường Đại học Vinh

***6.2. Tài liệu tham khảo:***

1. Erin H. Fouberg, Alexander B. Murphy, H.J. de Blij. *Human geography – people, place and culture*. *Chapter 9. Political Geography.* Ninth Edition, 2015.

2. Dương Xuân Ngọc, Lưu Văn An. *Giáo trình quan hệ chính trị quốc tế*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008.

3. Ông Thị Đan Thanh. *Địa lý kinh tế - xã hội thế giới.* NXB Đại học Sư phạm, năm 2007.

4. Klaus Dodds. *Địa chính trị.* Nguyễn Nguyên Hy dịch. Nhà xuất bản Tri thức, 2019.

5. Tim Marshall. *Những tù nhân của địa lí.* Phan Linh Lan dịch. NXB Hội Nhà văn, 2021.

**7. Kế hoạch dạy học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần, số tiết** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học** | **Yêu cầu SV chuẩn bị** | **CĐR học phần** | **Bài đánh giá** |
| 1(2) | - Giới thiệu học phần, phương thức học và kiểm tra, đánh giá của học phần.  MỞ ĐẦU  1. Quan niệm về Địa lí chính trị  2. Đối tượng nghiên cứu của địa lý chính trị  3. Nhiệm vụ nghiên cứu của địa lý chính trị  4. Mối quan hệ giữa Địa lí chính trị với các khoa học khác | Lớp học  Thuyết giảng, phát vấn; thảo luận; | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS | - CLO1.1 | - A2 |
| 2 | ***Ch­ương 1.*** ĐỊA LÍ CHÍNH TRỊ QUỐC GIA  1.1. Khái niệm, đặc trưng và tính chất của quốc gia  1.2. Phân loại quốc gia  1.3. Đặc điểm địa lí của quốc gia  1.3.1. Vị trí, kích thước, hình dạng  1.3.2. Trung tâm và thủ đô  1.3.3. Biên giới - giới hạn của quốc gia | Lớp học  Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS | - CLO1.1  - CLO1.2 | - A2 |
| 3 | 1.4. Các yếu tố tạo sự gắn kết của quốc gia  1.4.1. Chủ nghĩa dân tộc  1.4.2. Thể chế  1.4.3. Các tổ chức và hành chính  1.4.4. Hệ thống giao thông, thông tin liên lạc  1.5. Quyền và nghĩa vụ của quốc gia  1.6. Lợi ích quốc gia  1.6.1. Khái niệm  1.6.2. Đặc điểm  1.6.3. Phân loại lợi ích quốc gia | Lớp học  Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS | - CLO1.1  - CLO1.2 | - A2 |
| 4 | 1.7. Sức mạnh quốc gia  1.7.1. Khái niệm  1.7.2. Các yếu tố cấu thành sức mạnh quốc gia  1.8. Chủ quyền quốc gia  1.8.1. Khái niệm  1.8.2. Nội dung và nguyên tắc tôn trọng chủ quyền quốc gia  1.8.3. Những thách thức về chủ quyền quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa | Lớp học  Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS | - CLO1.1  - CLO1.2 | - A2 |
| 5 | Chương 2. MỘT SỐ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ QUỐC GIA  2.1. Khái quát về hệ thống chính trị quốc gia  2.2. Hệ thống đại nghị  2.2.1. Lịch sử phát triển  2.2.2. Cấu trúc và phân bố quyền lực  2.2.3. Bầu cử và đảng phái | Lớp học  Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS | - CLO1.1  - CLO1.2 | - A2 |
| 6 | 2.3. Hệ thống tổng thống  2.3.1. Lịch sử phát triển  2.3.2. Cấu trúc và phân bố quyền lực  2.3.3. Bầu cử và đảng phái  2.4. Hệ thống hỗn hợp  2.4.1. Lịch sử phát triển  2.4.2. Cấu trúc và phân bố quyền lực  2.4.3. Bầu cử và đảng phái  2.5. So sánh ba hệ thống chính trị | Lớp học  Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS | - CLO1.1  - CLO1.2 | - A2 |
| 7 | **Thảo luận:**  - Phân tích các yếu tố tạo nên sự gắn kết quốc gia; sức mạnh quốc gia.  - So sánh các hệ thống chính trị trên thế giới. Liên hệ với Việt Nam. | Lớp học hoặc nhóm SV tự chọn không gian làm việc | Sinh viên làm việc nhóm (Nhóm 6 em) | CLO2.2 | A1.3 |
| 8 | Báo cáo kết quả thảo luận | Lớp học;  SV báo cáo theo nhóm | Đại diện nhóm báo cáo | CLO2.2 | A1.3 |
| 9 | *Ch­ương 3****.*** LUẬT BIỂN QUỐC TẾ VÀ CÁC QUAN HỆ QUỐC TẾ ĐƯƠNG ĐẠI  3.1. Luật biển quốc tế  3.1.1. Biên giới biển  3.1.2. Luật biển quốc tế  3.1.3. Một số vấn đề biển đảo trên thế giới hiện nay | Lớp học  Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS | - CLO1.1  - CLO1.2 | - A2 |
| 10 | 3.2. Các liên kết quốc tế  3.2.1. Khái niệm, đặc trưng và vai trò của liên kết khu vực và quốc tế  3.2.2. Liên kết quốc tế  3.2.3. Liên kết khu vực | Lớp học  Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS | - CLO1.1  - CLO1.2 | - A2 |
| 11 | 3.3. Quan hệ chính trị quốc tế  3.3.1. Quan hệ chính trị quốc tế thời kì chiến tranh lạnh  3.3.2. Quan hệ chính trị quốc tế thời kì sau chiến tranh lạnh  3.3.3. Những xu thế chủ yếu của quan hệ chính trị quốc tế | Lớp học  Thuyết giảng, tổ chức thảo luận;  hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên | Trả lời câu hỏi, thảo luận;  tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, học trên LMS | - CLO1.1  - CLO1.2 | - A2 |
| 12 | Thảo luận  1. Xu thế đa cực hóa trên thế giới.  2. Xu thế hội nhập và phụ thuộc giữa các quốc gia trên thế giới.  3. Vị trí địa chiến lược và vai trò của Việt Nam trong ASEAN. | Lớp học hoặc nhóm SV tự chọn không gian làm việc | Sinh viên làm việc nhóm (Nhóm 6 em) | CLO2.2 | A1.3 |
| 13 | Báo cáo kết quả thảo luận | Lớp học;  SV báo cáo theo nhóm | Đại diện nhóm báo cáo | CLO2.2 | A1.3 |
| 14 | Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học | Lớp học |  | CLO2.1 | A1.2 |
| 15 | Ôn tập và tổng kết học phần | Lớp học; giải đáp thắc mắc | Câu hỏi trao đổi, kiến nghị, đề xuất |  |  |

**8. Nhiệm vụ của sinh viên**

***8.1. Phần tự học***

- Nghiên cứu tài liệu, xem các slides/video bài giảng.

- Chủ động tìm các nguồn tài liệu khác liên quan đến nội dung học phần.

- Thảo luận, trao đổi những vấn đề liên quan đến học phần với bạn học hoặc các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Hoàn thành các bài tập được giao trên LMS.

***8.2. Phần học trên lớp trực tiếp hoặc online với giảng viên***

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần.

- Chủ động, tích cực trong giờ học.

- Phát hiện, đưa ra câu hỏi hoặc vấn đề liên quan đến nội dung học tập.

***8.4. Làm việc nhóm, thực hiện bài thảo luận***

- Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm.

- Tôn trọng ý kiến và chịu trách nhiệm về kết quả làm việc chung.

- Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ và sản phẩm dự án được giao.

**9. Ngày phê duyệt:**

**10. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Trưởng bộ môn** | **Giảng viên** |